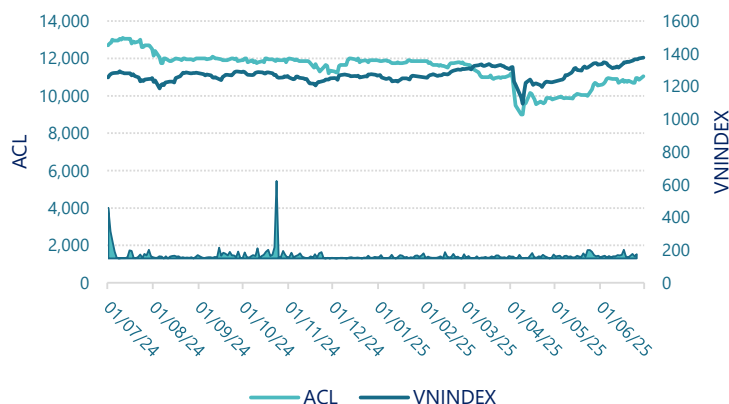


CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửa Long An Giang (HSX: ACL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
SL cổ phiếu LH	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,735
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	554
P/E	38.1
EPS	290

DT thuần

Q2/25

581

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 163 | 39.1%

YoY: ▲ 19.0 | 3.5%

LN sau thuế

Q2/25

6.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.88 | 150%

YoY: ▲ 3.69 | 133%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.8%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

6T 2025

1,000

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 122 | 13.9%

LN sau thuế

6T 2025

9.06

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 79.2%

ROE

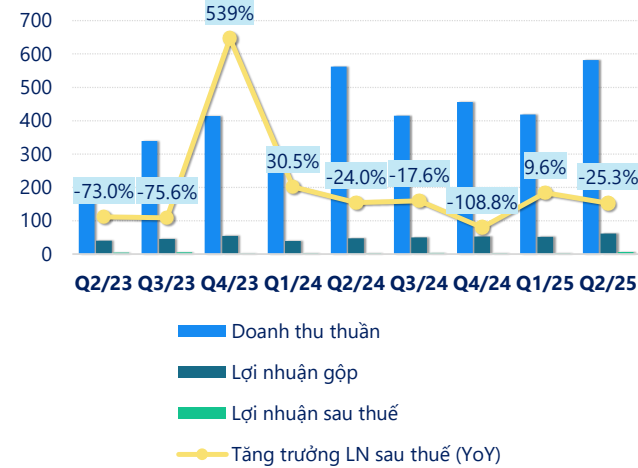
Q2/25

1.8%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

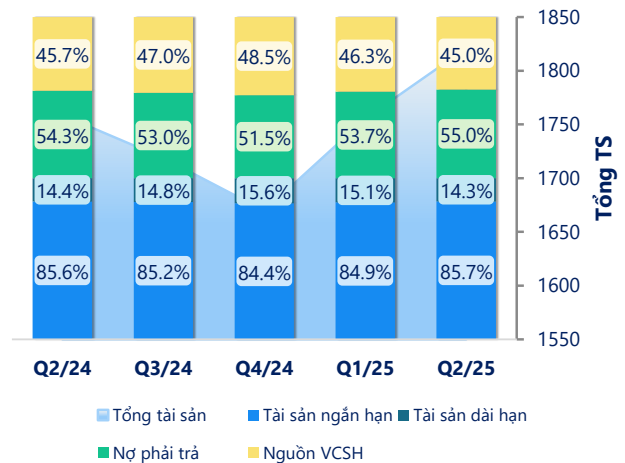
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

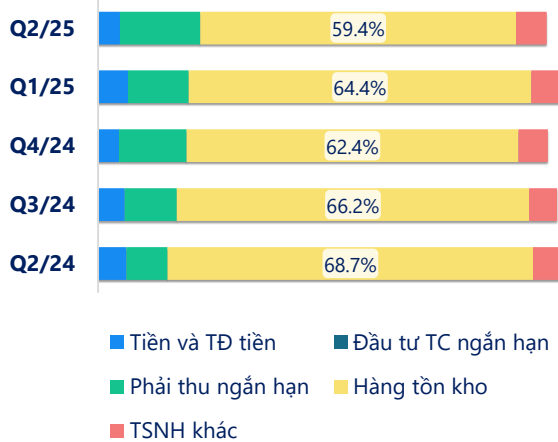
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



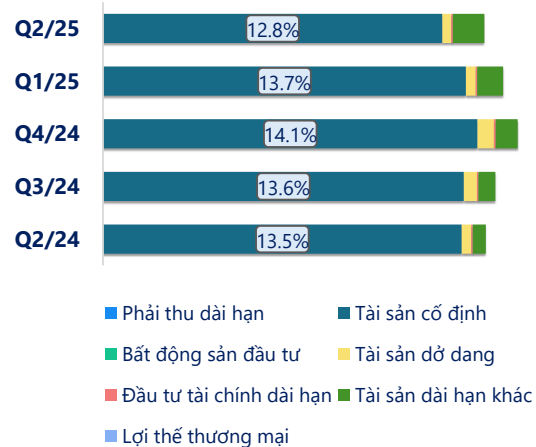
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

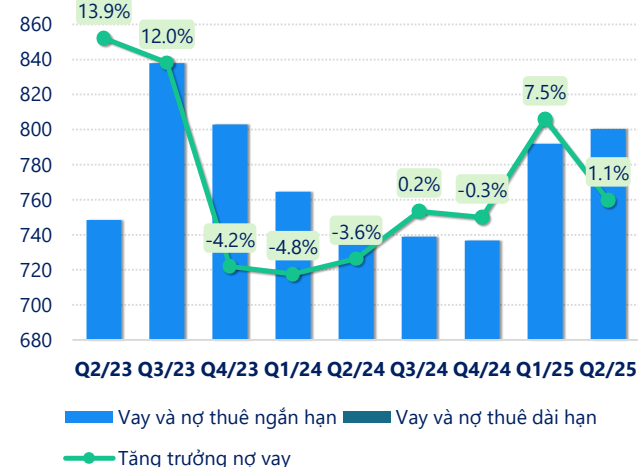
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

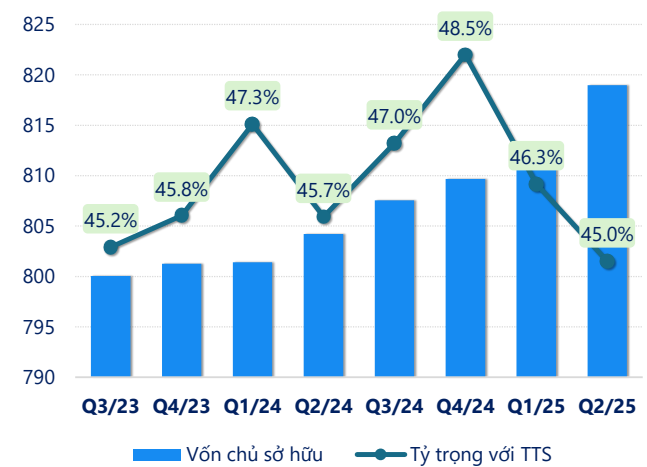
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

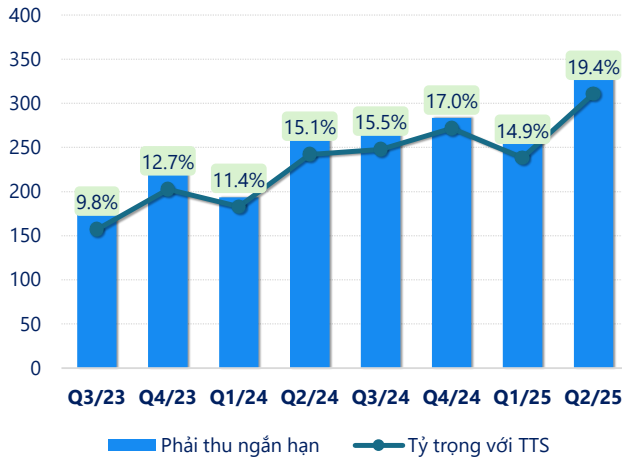
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



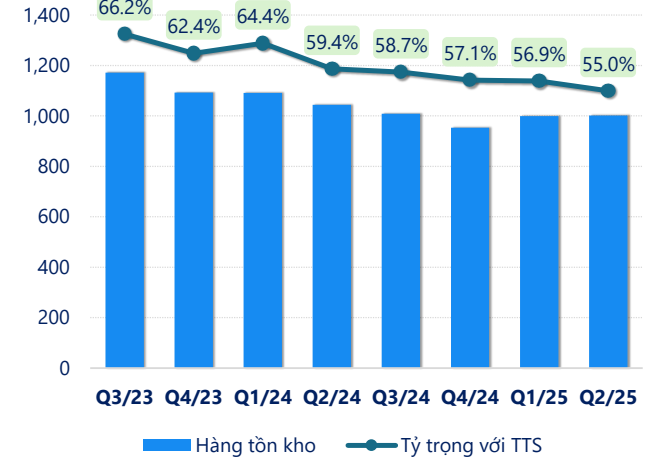
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


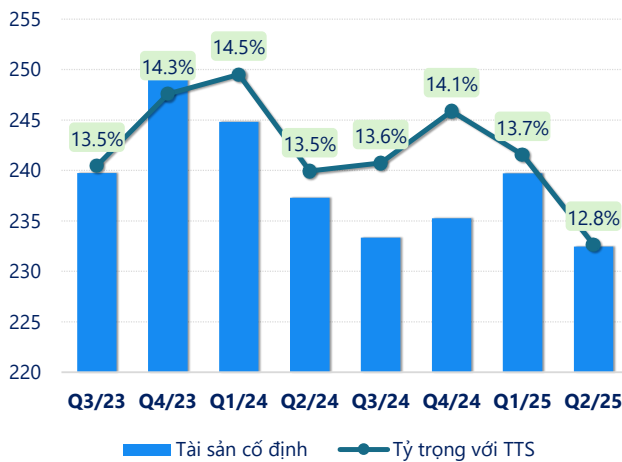
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


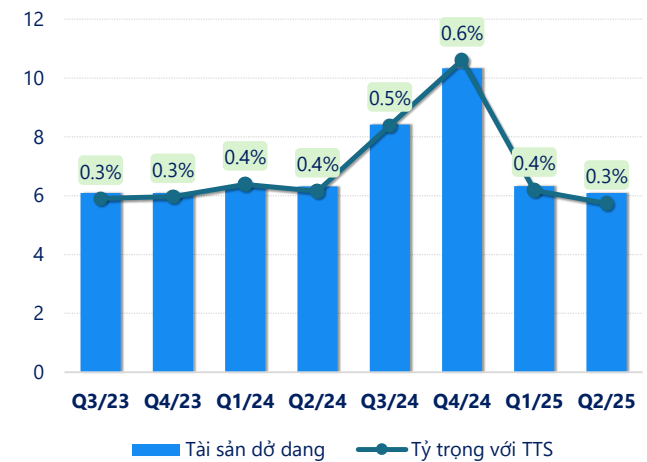
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

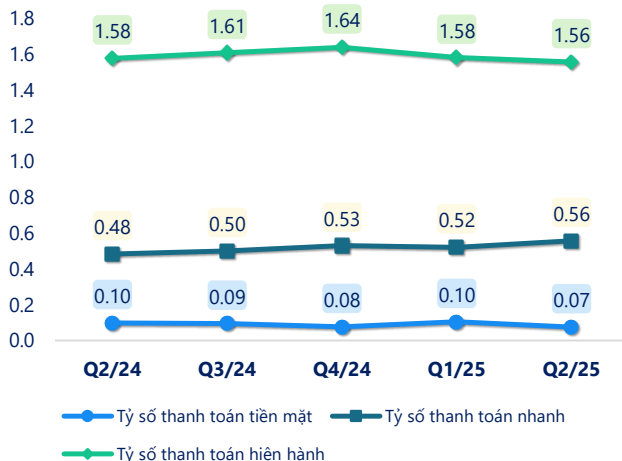
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

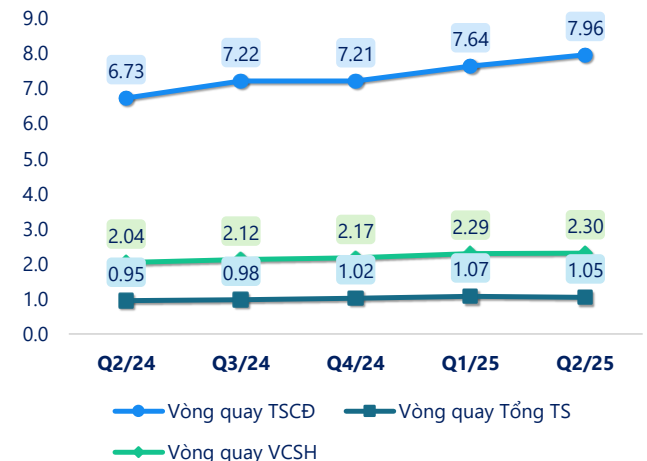
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,759	1,719	1,670	1,755	1,821
Tài sản ngắn hạn	1,505	1,465	1,409	1,491	1,560
Tiền và tương đương tiền	94.0	86.2	66.1	98.7	75.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	20.0	20.0
Phải thu ngắn hạn	266	266	283	262	354
Hàng tồn kho	1,044	1,008	953	1,000	1,001
Tài sản ngắn hạn khác	102	104	107	111	110
Tài sản dài hạn	253	254	260	264	261
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	237	233	235	240	232
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.31	8.41	10.3	6.33	6.10
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
Tài sản dài hạn khác	8.59	11.0	13.8	17.2	21.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	954	911	860	943	1,002
Nợ ngắn hạn	954	911	860	943	1,002
Vay và nợ thuê ngắn hạn	737	739	737	792	800
Phải trả người bán ngắn hạn	153	125	75.5	97.7	155
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	804	808	810	812	819
Vốn chủ sở hữu	804	808	810	812	819
Vốn điều lệ	502	502	502	502	502
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)